

Số: 4246/BVTN-TMS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: Cung cấp ấn chỉ biểu mẫu năm 2026

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Thống Nhất có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp ấn chỉ biểu mẫu năm 2026 chi tiết như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Thống Nhất.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Tổ Mua sắm, Đấu thầu và Quản lý Dự án.

- Email: tms@bvtn.org.vn

- Số điện thoại: 028 3869 0277 - 214, 771

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Gửi bản scan báo giá có chữ ký của người đại diện pháp luật và con dấu (nếu có) của đơn vị cung cấp báo giá; hoặc

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Tổ Mua sắm, Đấu thầu và Quản lý Dự án, Bệnh viện Thống Nhất, số 01 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP. HCM.

Thời gian tiếp nhận: Từ 08h00 ngày 25/5/2026 đến trước 16h00 ngày 29/5/2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 29/5/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa/dịch vụ: Chi tiết trong bảng mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật tại Phụ lục kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa:

- Giao hàng, lắp đặt đưa hàng hóa vào sử dụng tại Bệnh viện Thống Nhất, mọi chi phí vận chuyển, lắp đặt do nhà cung cấp chịu.

- Hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải thực hiện theo quy định của nhà sản xuất.

- Địa điểm nhận hàng hóa/dịch vụ: Tại nơi sử dụng, Bệnh viện Thống Nhất, số 01 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP. HCM.

3. Thời gian giao hàng, hoàn thành hợp đồng: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, thanh toán 100% giá trị nghiệm thu sau khi đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng. Thời gian thanh toán: trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày nhà thầu cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán quy định theo hợp đồng.

5. Các thông tin khác:

- Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp có thể liên hệ kiểm tra trực tiếp vị trí lắp đặt và làm rõ những nội dung về kỹ thuật trước khi chào giá.

- Đề nghị các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm Bảng báo giá theo hướng dẫn đã nêu tại Thông báo này.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TMS.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Vinh

PHỤ LỤC

Danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật gói thầu:
Cung cấp ấn chỉ biểu mẫu năm 2026

| Stt | Nội dung | ĐVT | SL | Quy cách | Ghi chú |
|-----|--|-----|---------|--|-------------------|
| 1 | Bảng kiểm trước tiêm chủng | tờ | 20.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 2 mặt | |
| 2 | Bảng theo dõi ICU | tờ | 200 | Giấy ford 70 trang 71, khổ A3 ngang, in 2 mặt | MS 01/HSTCCD-BVTN |
| 3 | Bao thư (12*22) in logo BV | cái | 10.000 | Giấy ford 80 trắng, KT: 12*22 cm | MS 01/HC-BVTN |
| 4 | Bao thư vàng | cái | 10.000 | Giấy ford 180 vàng, KT: 25*35 cm | MS 02/HC-BVTN |
| 5 | Bao thuốc lớn | cái | 100.000 | Giấy ford 70 trắng, KT: 10*14 cm | MS 01/D-BVTN |
| 6 | Bao thuốc nhỏ | cái | 80.000 | Giấy ford 70 trắng, KT: 6*9 cm | MS 02/D-BVTN |
| 7 | Bìa Hồ Sơ Chăm Sóc Sức Khỏe (màu hồng) | cái | 80.000 | Couche 300, (22,5x31) cm có tai bên hông, in 4 màu 2 mặt, cán PE mặt ngoài, bẻ, dán, đục lỗ, nẹp acco. | MS: 42/KHTH-BVTN |
| 8 | Bìa Hồ Sơ Chăm Sóc Sức Khỏe (màu vàng) | cái | 2.000 | Couche 300, (22,5x31) cm có tai bên hông, in 4 màu 2 mặt, cán PE mặt ngoài, bẻ, dán, đục lỗ, nẹp acco. | MS: 43/KHTH-BVTN |
| 9 | Bìa Hồ Sơ Chăm Sóc Sức Khỏe (màu xanh) | cái | 60.000 | Couche 300, (22,5x31) cm có tai bên hông, in 4 màu 2 mặt, cán PE mặt ngoài, bẻ, dán, đục lỗ, nẹp acco. | MS: 44/KHTH-BVTN |
| 10 | Bìa hồ sơ kiểm tra sức khỏe - định cư | cái | 20.000 | Bìa thái vàng, KT: 32x47cm, 1 màu đen, 1 mặt, gập đôi, cán. | MS: 15/KBTYC-BVTN |

| Stt | Nội dung | ĐVT | SL | Quy cách | Ghi chú |
|-----|---|-----|--------|--|-------------------------------------|
| 11 | Bìa hồ sơ lưu bệnh án | cái | 2.000 | Giấy kraft 400 gsm, in 1 mặt đen | MS: 04/KHTH-BVTN |
| 12 | Bìa kẹp bảng kê thành phần tài liệu trong hồ sơ | cái | 50 | Giấy krap 175gsm, A3 gấp đôi, in 1 màu, cán màng bóng 1 mặt, bẻ thành phẩm | Mẫu 01b-BNV/2007 (Bộ nội vụ) |
| 13 | Bìa kẹp nghị quyết, quyết định về nhân sự | cái | 50 | Giấy krap 175gsm, A3 gấp đôi, in 1 màu, cán màng bóng 1 mặt, bẻ thành phẩm | Mẫu 06b-BNV/2007 (Bộ nội vụ) |
| 14 | Bìa kẹp nhận xét, đánh giá, đơn thư | cái | 50 | Giấy krap 175gsm, A3 gấp đôi, in 1 màu, cán màng bóng 1 mặt, bẻ thành phẩm | Mẫu 07b-BNV/2007 (Bộ nội vụ) |
| 15 | Biên bản cam kết cho bệnh nhân nặng xin về | tờ | 2.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 1 mặt | MS: 08/KHTH-BVTN |
| 16 | Biên bản kiểm thảo tử vong | tờ | 500 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 2 mặt | Mẫu 47/BV2 TT32 |
| 17 | Đơn xin ra viện | tờ | 15.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 1 mặt | MS: 09/KHTH-BVTN |
| 18 | Giấy cam đoan nội soi | tờ | 25.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 ngang, in 1 mặt | MS: 39/KHTH-BVTN |
| 19 | Giấy cam kết tự nguyện sử dụng và thanh toán dịch vụ và kỹ thuật y tế | tờ | 30.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 ngang, in 1 mặt | MS 01/TCKT-BVTN |
| 20 | Giấy chứng nhận sức khỏe (theo TT32) | tờ | 15.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ giấy A3 gấp đôi, in 2 mặt | Mẫu theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT |
| 21 | Giấy khám/chữa bệnh theo yêu cầu | tờ | 500 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 1 mặt | Mẫu 03/BV2 TT32 |
| 22 | Giấy ưng thuận tiêm thuốc cân quang | tờ | 10.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 ngang, in 1 mặt | MS 04/CDHA-BVTN |

| Stt | Nội dung | ĐVT | SL | Quy cách | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|-----|--------|---|--|
| 23 | Giấy ung thuận tiêm thuốc cản từ | tờ | 1.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 ngang, in 1 mặt | MS 05/CDHA-BVTN |
| 24 | Mẫu giấy khám sức khỏe lái Mô tô | tờ | 1.000 | Khổ giấy A3 gấp đôi, in 2 mặt | |
| 25 | Mẫu giấy khám sức khỏe lái xe ô tô | tờ | 1.000 | Khổ giấy A3 gấp đôi, in 2 mặt | |
| 26 | Mẫu giấy khám sức khỏe song ngữ | tờ | 10.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ giấy A3 gấp đôi, in 2 mặt | MS 04/KBTYC-BVTN |
| 27 | Mẫu hồ sơ lao động Đài Loan | bộ | 15.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc (5 tờ/10 trang/bộ), in 2 mặt | MS 08/KBTYC-BVTN |
| 28 | Mẫu sức khỏe định cư Đài Loan | tờ | 15.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc (3tờ/ 6 trang /bộ), in 2 mặt | MS 11/KBTYC-BVTN |
| 29 | Phiếu báo hỏng | tờ | 1.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 ngang, in 1 mặt | MS: C13-H theo QĐ số: 999TC/QĐ/CĐKT |
| 30 | Phiếu đăng ký khám bệnh - xét nghiệm | tờ | 25.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 ngang, in 1 mặt | MS 12/KBTYC-BVTN |
| 31 | Phiếu đăng ký nhập viện khoa cấp cứu | tờ | 70.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A6 dọc, in 1 mặt | MS 02/CC-BVTN |
| 32 | Phiếu đề nghị điều chuyển TSCĐ | tờ | 100 | Giấy ford 70 trắng, khổ A6 dọc, in 1 mặt | |
| 33 | Phiếu điều trị vật lý trị liệu | tờ | 10.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 ngang, in 1 mặt | MS 01/VLTL-BVTN |
| 34 | Phiếu gây mê hồi sức | tờ | 15.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 2 mặt | MS 13/BV-01 theo Quyết định 4069/2001/QĐ-BYT |
| 35 | Phiếu ghi thông tin bệnh nhân | tờ | 50.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 ngang, in 1 mặt | MS: 08/KBBHYT-BVTN |

| Stt | Nội dung | ĐVT | SL | Quy cách | Ghi chú |
|-----|---|------|--------|--|--|
| 36 | Phiếu hẹn | tờ | 20.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 ngang, in 1 mặt | MS 13/KBTYC-BVTN |
| 37 | Phiếu hẹn (TT RHM KTC) | Tờ | 50.000 | Giấy ford 180 xanh. KT: 21*7.3 cm, in 2 mặt | TT RHM KTC |
| 38 | Phiếu kế hoạch chăm sóc (Khoa HSTCCĐ) | tờ | 10.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A3 ngang, in 2 mặt | MS 01/HSTCCĐ-BVTN |
| 39 | Phiếu lĩnh hàng | tờ | 3.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 ngang, in 1 mặt | MS 07/QT-BVTN |
| 40 | Phiếu phẫu thuật Glocom | tờ | 500 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 1 mặt | Mẫu 32/BV2 TT32 |
| 41 | Phiếu sàng lọc trước tiêm chủng cho người lớn | Tờ | 5.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 2 mặt | Vi Sinh |
| 42 | Phiếu tiêm ngừa MMR | Tờ | 10.000 | | Vi Sinh |
| 43 | Phiếu tư vấn - giải thích | tờ | 20.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 2 mặt | MS: 20/KHTH-BVTN |
| 44 | Phiếu tư vấn vắc xin | Cuốn | 10.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 2 màu | Vi Sinh |
| 45 | Phiếu xét nghiệm tế bào học CTC | tờ | 2.500 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 2 mặt | MS: 21/KHTH-BVTN |
| 46 | Phiếu xin duyệt thuốc | tờ | 3.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 1 mặt | MS: 26/KHTH-BVTN |
| 47 | Sổ biên bản hội chẩn | cuốn | 20 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, trang đầu in như trang bìa. Trong từ trang 2 và 3, cứ 2 trang một, in nội dung mỗi lần họp 200 trang / cuốn, bìa xanh. | MS 06/BV-01 theo Quyết định 4069/2001/QĐ-BYT |
| 48 | Sổ biên bản kiểm điểm tử vong | cuốn | 10 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, trang đầu in như trang bìa. Trong từ | MS: 28/BV-01 theo Quyết định |

| Stt | Nội dung | ĐVT | SL | Quy cách | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|------|----|--|------------------|
| | | | | trang 2 và 3, cứ 2 trang một, in nội dung mỗi lần hộp 200 trang/ cuốn, bìa xanh. | 4069/2001/QĐ-BYT |
| 49 | Sổ cho số quyết định | cuốn | 10 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 400 trang/quyển, khâu, bìa Bristol trắng 300gsm | MS: 06/HC-BVTN |
| 50 | Sổ chuyển giao bí mật nhà nước | cuốn | 5 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 400 trang/quyển, khâu, bìa Bristol trắng 300gsm | |
| 51 | Sổ đăng kí bản bản đi | cuốn | 10 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 400 trang/quyển, khâu, bìa Bristol trắng 300gsm | MS: 04/HC-BVTN |
| 52 | Sổ đăng kí văn bản đến | cuốn | 10 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 400 trang/quyển, khâu, bìa Bristol trắng 300gsm | MS: 03/HC-BVTN |
| 53 | Sổ đăng ký bệnh nhân vào viện | cuốn | 10 | Giấy ford 70 trắng, KT 25*32,5cm, trang đầu in như trang bìa, 200 trang/cuốn, bìa Bristol trắng 300gsm | MS: 28/KHTH-BVTN |
| 54 | Sổ đăng ký ra viện A | cuốn | 5 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 200 trang/quyển, bìa Bristol vàng 300gsm | MS 29/KHTH-BVTN |
| 55 | Sổ đăng ký ra viện B | cuốn | 5 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 200 trang/quyển, bìa Bristol xanh 300gsm | MS 30/KHTH-BVTN |
| 56 | Sổ giao nhận dụng cụ | Cuốn | 40 | Khổ A4 ngang, Bìa giấy ford 180 hồng, in 1 mặt 1 màu, Bìa kiếng đóng | TT RHM KTC |

| Stt | Nội dung | ĐVT | SL | Quy cách | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|------|-----|--|--|
| | | | | ngoài, ruột giấy ford 80 in 1 màu 2 mặt, 140 trang/ quyển, đóng 2 kim/ cuốn | |
| 57 | Sổ hẹn bệnh hàng ngày | Cuốn | 40 | Khô A4, Bia giấy ford 180 xanh lá, in 1 mặt 1 màu, Bia kiếng đóng ngoài, ruột giấy ford 80 in 1 màu 2 mặt, 140 trang/ quyển, đóng 2 kim/ cuốn | TT RHM KTC |
| 58 | Sổ họp giao ban | cuốn | 300 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, trang đầu in như trang bìa, bên trong kẻ dòng, hướng dẫn in bìa 2. 200trang/cuốn, bìa xanh. | MS 30/BV-01 theo Quyết định 4069/2001/QĐ-BYT |
| 59 | Sổ khám thai | cuốn | 10 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 dọc, 1 màu đen, 2 mặt, 28 trang/quyển, đóng lồng, bìa bristol hồng 300gsm | MS: 16/KBTYC-BVTN |
| 60 | Sổ nhận bệnh hàng ngày | Cuốn | 40 | Khô A4, Bia giấy ford 180 xanh dương, in 1 mặt 1 màu, Bia kiếng đóng ngoài, ruột giấy ford 80 in 1 màu 2 mặt, 140 trang/ quyển, đóng 2 kim/ cuốn | TT RHM KTC |
| 61 | Sổ phiếu dự trừ máu và chế phẩm máu | cuốn | 100 | Kích thước 15*21 cm, ruột giấy carbonless 2 liên trắng, in 1 mặt, đường xé đóng cuốn 50 cặp 2 liên | MS 02/HH-BVTN |
| 62 | Sổ phiếu yêu cầu xe công tác | cuốn | 20 | Kích thước 18*10 cm, in 1 mặt, bìa vàng, 200 tờ/cuốn | MS: 34/KHTH-BVTN |

| Stt | Nội dung | ĐVT | SL | Quy cách | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|------|--------|---|--|
| 63 | Sổ quản lý máy | cuốn | 300 | Giấy ford 70 trắng, khổ A5 dọc, 24 trang/cuốn, bìa ford vàng | MS 01/VTTBYT-BVTN |
| 64 | Sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước | cuốn | 5 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 400 trang/quyển, khâu, bìa Bristol trắng 300gsm | |
| 65 | Sổ sinh hoạt hội đồng người bệnh | cuốn | 20 | Khổ A4 ngang gấp đôi, trang đầu in như trang bìa, bên trong kẻ dòng, hướng dẫn in từ bìa 2, 200 trang / cuốn, bìa xanh. | MS 38/BV-01 theo Quyết định 4069/2001/QĐ-BYT |
| 66 | Sổ theo dõi sức khỏe | cuốn | 50 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 100 trang/quyển, khâu, bìa Bristol vàng 300gsm | |
| 67 | Sổ tiêm chủng | Cuốn | 5.000 | Khổ A5, bìa giấy coche 250, in 4 màu 2 mặt, ruột giấy ford 120 in 4 màu 2 mặt, 12 trang/quyển, đóng 2 kim/ cuốn | Vi Sinh |
| 68 | Sổ trực điện nước | Cuốn | 10 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, 1 màu đen, 400 trang/quyển, khâu, bìa Bristol trắng 300gsm | QT |
| 69 | Thẻ nuôi bệnh (vàng) | tờ | 15.000 | Giấy ford 180 vàng, KT: 9*6cm, in 2 mặt | MS: 08/HC-BVTN |
| 70 | Thẻ nuôi bệnh (xanh) | tờ | 10.000 | Giấy ford 180 xanh, KT: 9*6cm, in 2 mặt | MS: 09/HC-BVTN |
| 71 | Thẻ theo dõi VLTL | cái | 15.000 | Giấy Ford 180 trắng, khổ A5 ngang, 1 màu đen, 2 mặt | MS: 04/VLTL-BVTN |

| Stt | Nội dung | ĐVT | SL | Quy cách | Ghi chú |
|-----|--|-----|--------|--|------------------------------|
| 72 | Tờ điều trị châm cứu - bấm huyệt - xoa bóp | tờ | 5.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 2 mặt | MS: 03/VLTL-BVTN |
| 73 | Tờ rơi A4 | cái | 30.000 | Giấy couche 150, khổ A4 ngang, in 4 màu 2 mặt, bé 2 đường cán giữa. In theo từng đợt theo nhu cầu, số lượng thực tế theo từng mẫu khác nhau. | |
| 74 | Trích biên bản hội chẩn | tờ | 5.000 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 1 mặt | Mẫu 27/BV2 TT32 |
| 75 | Trích biên bản kiểm thảo tử vong | tờ | 500 | Giấy ford 70 trắng, khổ A4 dọc, in 1 mặt | Mẫu 28/BV2 TT32 |
| 76 | Túi đựng hồ sơ tử vong | cái | 500 | Giấy Krap, KT: 29x39cm, 1 màu đen | |
| 77 | Túi đựng hồ sơ viên chức | cái | 100 | Bìa thái xanh 170gsm, KT: 25x35cm, in offset, in 1 màu, cán màng 1 mặt, bé dán thành phẩm | Mẫu B01-BNV/2007 (Bộ nội vụ) |

MẪU BẢNG BÁO GIÁ

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Thống Nhất

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Thống Nhất, chúng tôi (ghi tên, địa chỉ của Hãng sản xuất, Nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của từng thành viên liên danh) báo giá cho các hàng hóa/dịch vụ như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan (đối với gói thầu hàng hóa, nếu là gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn thì bỏ mục này):

| STT | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa | Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) | Địa điểm dự án | Ngày giao hàng | |
|-----|-------------------|-------------|------------|----------------|--------------------------------------|----------------|---|--|
| | | | | | | | Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần] | Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần] |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, thời gian bảo hành và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá cho các dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ liên quan (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, nếu là gói thầu cung cấp hàng hóa thì bỏ mục này):

| STT | Danh mục dịch vụ | Mô tả dịch vụ ^(*) | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ |
|-----|------------------|------------------------------|---------------------|-------------|----------------------------|-------------------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm
[ghi cụ thể số ngày nhưng không được nhỏ hơn số ngày quy định tại mục I.4 của Yêu cầu chào giá].

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa/dịch vụ nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))